TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNG SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 7 - 2022
V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Anh
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Mai Văn Ba
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà Ngô Thị Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022

Nguyên đơn: Anh Lưu Thái B, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 52, phường Hòa Q, quận N, TP Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Chị Võ Ngọc Kim C, sinh năm 1984. HKTT: Tổ 52, phường Hòa Q, quận N, TP Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: K81/C10 Lê Văn H, phường K, quận Ngũ H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:*

Tôi và cô C đăng ký kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Q, quận N, thành phố Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tổ 52, phường Hòa Q, quận N, TP Đà Nẵng, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến ngày 01/9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do giữa hai chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, không tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau và dần lạnh nhạt tình với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/

2020 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm không còn yêu thương cô C nữa nguyện vọng được ly hôn.

Về con chung: Tôi và cô C có 02 con chung là Lưu Thái Bảo N, sinh ngày 23/5/2008 và Lưu Nhật V, sinh ngày 29/10/2012. Ly hôn, tôi có nguyện vọng giao hai con cho cô C trực tiếp nuôi dưỡng. Tôi cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng (mỗi con 1.000.000đ/01 tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Võ Ngọc Kim C vắng mặt nhưng thể hiện biên bản hòa giải trình bày:

Tôi và anh B có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại phường Hòa Q, quận N, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân của chúng tôi được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại tổ 52, phường Hòa Q, quận N, TP Đà Nẵng, đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, mâu thuẫn như vậy kéo dài đến nay vẫn không thay đổi. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Ngoài ra anh B có hành động đánh đập tôi và đe dọa tôi. Nay anh B yêu cầu giải quyết ly hôn vì 02 con còn nhỏ, tôi mong muốn gia đình đoàn tụ để con có cha có mẹ như các gia đình bình thường khác.

Về con chung: Tôi và anh B có 02 con chung tên Lưu Thái Bảo N, sinh ngày 23/5/2008 và Lưu Nhật V, sinh ngày 29/10/2012. Ly hôn, tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, tôi yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 tháng (mỗi con 1.000.000đ/01 tháng).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1.Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng về cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS

và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng.

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam; căn cứ Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của anh Lưu Thái B đối với chị Võ Ngọc Kim C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lưu Thái B được ly hôn chị Võ Ngọc Kim C.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lưu Thái Bảo N, sinh ngày 23/5/2008 và Lưu Nhật V, sinh ngày 29/10/2012 chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, buộc anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 tháng (mỗi con 1.000.000đ).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Nguyên đơn phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, tranh chấp ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án anh B và chị C kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Q, quận N, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 52 Hòa Q, quận N. Vợ chồng chung sống đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, lạnh nhạt tình cảm với nhau. Mâu

thuẫn như vậy kéo dài đến nay vẫn không thay đổi. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh B xác định không còn tình cảm yêu thương chị Kim C nữa, nguyện vọng yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn. Còn chị Kim C không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ nên chị xin đoàn tụ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh B thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng có niềm tin và tình yêu, sự thông cảm và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng đến nay cả hai anh chị đã không còn giữ được điều này. Trong thời gian mâu thuẫn từ 2020 đến nay vợ chồng cũng không tìm kiếm được tiếng nói chung, cũng như không có giải pháp để cùng nhau dung hòa mâu thuẫn để cải thiện lại quan hệ vợ chồng đã chấm dứt từ lâu. Còn chị Kim C có nguyện vọng xin đoàn tụ nhưng Tòa đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng chị đều vắng mặt thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật cũng như bỏ mặc việc níu kéo đối với chính cuộc hôn nhân của mình. Do đó thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thấy có níu kéo cũng không đem lại kết quả gì nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị Kim C là phù hợp với điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lưu Thái Bảo N, sinh ngày 23/5/2008 và Lưu Nhật V, sinh ngày 29/10/2012, hiện nay các cháu đang ở với chị Kim C. Anh B tại phiên tòa cũng đồng ý giao cả hai con cho chị C nuôi dưỡng,anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 tháng (mỗi con 1.000.000đ). Yêu cầu này của anh B cũng phù hợp với ý kiến thể hiện của chị C nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng xác định không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ nguyên đơn phải chịu theo qui định pháp luật.

Xét đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, nuôi con chung" của anh Lưu Thái B đối với chị Võ Ngọc Kim C.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lưu Thái B được ly hôn chị Võ Ngọc Kim C.

2. Về quan hệ con chung: Giao 2 con chung tên Lưu Thái Bảo N, sinh ngày 23/5/2008 và Lưu Nhật V, sinh ngày 29/10/2012 cho chị C nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 tháng (mỗi con 1.000.000đ).

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích chung của con các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

5. Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000đ anh Lưu Thái B phải chịu khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001114 ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh B phải chịu 300.000đồng.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- UBND phường Hòa Quý quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lương Thị Anh